

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;*

*Xét Kết quả kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Xưởng gia công và đóng gói phân Urê theo Công văn số 1819/STNMT-MT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản kiểm tra ngày 22 tháng 5 năm 2023 kèm theo;*

*Xét Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Xưởng gia công và đóng gói phân Urê đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện, gửi kèm theo Văn bản số 123/CV-TĐLT ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại số 23, Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Xưởng gia công và đóng gói phân Urê (viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Xưởng gia công và đóng gói phân Urê.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm Vĩnh Hưng, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Mã số 1600192619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27/9/2004, thay đổi lần thứ 27 ngày 14/11/2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số dự án 0826711362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang chứng nhận lần đầu ngày 12/11/2015.

1.4. Mã số thuế: 1600192619.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công và đóng gói phân Urê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

Cơ sở được thực hiện tại khóm Vĩnh Hưng, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Phạm vi cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Tây Bắc: Giáp đất trống của dân.
- Phía Tây Nam: Giáp Quốc lộ 91.
- Phía Đông Bắc: Giáp sông Hậu.
- Phía Đông Nam: Giáp nhà dân và Nhà máy xay xát – DNTN Út Nghiệp.

1.6.2. Quy mô, công suất:

Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 2.708,8 m<sup>2</sup>. Trong đó: diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 1.783 m<sup>2</sup>; diện tích hàng rào, sân đan, đất trống, cây xanh là 925,8 m<sup>2</sup>.

Công suất sản xuất theo thiết kế: 8.800 tấn sản phẩm/năm, gồm 06 dây chuyền sản xuất. Trong đó: 04 dây chuyền sản xuất phân Đạm – Black 45<sup>H</sup> công suất 733,33 kg/giờ/dây chuyền; 01 dây chuyền sản xuất phân Đạm – Black 45<sup>H</sup> công suất 628,57 kg/giờ và 01 dây chuyền sản xuất phân Đạm – Gold 45<sup>G</sup> công suất 628,57 kg/giờ.

Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 9.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ bảy trăm triệu đồng*). Cơ sở có quy mô tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Có yếu tố nhạy cảm về môi trường do xả nước thải sau xử lý vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sông Hậu)).

Đối với hoạt động bến thủy nội địa của cơ sở theo Quyết định số 346/QĐ-SGTVT ngày 10/5/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa với quy mô diện tích vùng nước của bến là 2.160 m<sup>2</sup> (Chiều dài 54m, chiều rộng 40m) không thuộc phạm vi của Giấy phép môi trường này.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện Châu Phú, UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 11 tháng 4 năm 2024 đến ngày 10 tháng 4 năm 2034).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (đề B/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Sở GTVT tỉnh An Giang;
- UBND huyện Châu Phú (để phối hợp chỉ đạo);
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng QLMT, Thanh tra Sở, Phòng QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Châu Phú;
- UBND thị trấn Vĩnh Thạnh Trung;
- Lưu: VT, TTHC<sub>Phú</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Thái Minh Hiễn**

## PHỤ LỤC 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 138/GPMT-STNMT ngày 11/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại cơ sở.

Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động giặt giũ đồ bảo hộ lao động.

Nguồn số 03: Nước thải rửa tay của công nhân sau khi tham gia sản xuất và bóc xếp hàng hóa.

Nguồn số 04: Nước thải từ vệ sinh sân nền tại khu vực phối trộn.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:** 01 dòng nước thải sau xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hậu.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí.

Vị trí xả nước thải: Khóm Vĩnh Hưng, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Toạ độ vị trí xả nước thải: X=1171382; Y=552075 (theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $15 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , tương đương  $0,625 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT được bơm cưỡng bức theo đường ống PVC  $\Phi 60$  (chiều dài khoảng 3m) thoát ra sông Hậu.

- Hình thức xả: Xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, các hệ số  $K_q = 1,2$  và  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	Tự đề xuất tần suất quan trắc 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Màu	mg/l	72		
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	43,2		
4	COD	mg/l	108		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	72		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	7,2		
7	Tổng Nitơ	mg/l	28,8		
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	5,76		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	7,2		
10	Coliform	MPN/100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý bằng đường ống PVC Φ114, chiều dài 65m, độ dốc  $i=2\%$ .

- Nước thải từ hoạt động giặt giũ đồ bảo hộ lao động được thu gom vào hố ga (kích thước  $D \times R \times H = 0,8m \times 0,75m \times 0,7m$ ) và tự chảy theo tuyến ống PVC Φ114, chiều dài 157m, độ dốc  $i=2\%$  dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải rửa tay của công nhân sau khi tham gia sản xuất và bóc xếp hàng hóa: Việc rửa tay của công nhân được thực hiện tại khu vực rửa chung ngay tại hệ thống xử lý nước thải nên nguồn nước thải này được thu gom trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ vệ sinh sân nền tại khu vực phối trộn theo độ dốc sân tự chảy vào hệ thống mương hở có chiều rộng 0,25m, sâu 0,3m, chiều dài 152m, độ dốc  $i=1\%$  được bố trí xung quanh nhà xưởng trước khi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

#### **1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: 03 bể tự hoại 3 ngăn.**

- Vị trí, quy mô các bể tự hoại: 02 bể tự hoại tại cụm nhà vệ sinh mới (01 bể có thể tích  $5,85m^3$  và 01 bể có thể tích  $24,18m^3$ ); 01 bể tự hoại tại nhà vệ sinh tập trung cũ có thể tích  $5,85m^3$ .

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → ngăn chứa → ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2 → đường ống PVC Φ114 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung: 01 hệ thống

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hoà 1 → Bồn phản ứng, lắng → Bể kỵ khí cấp 1 → Bể kỵ khí cấp 2 → Bể thiếu khí 1 → Bể điều hoà 2 → Bể thiếu khí 2 → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng đứng → Bể chứa trung gian → Cụm lọc áp lực → Sông Hậu.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hoá chất sử dụng: Dung dịch PAC 20,8 kg/tháng; Polyme 0,17 kg/tháng.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, hệ số K<sub>q</sub> = 1,2 và K<sub>f</sub> = 1,2) được bơm cưỡng bức theo đường ống PVC Φ60 (chiều dài 3m) thoát ra sông Hậu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (Hệ thống xử lý nước thải):

- Biện pháp phòng ngừa: Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục; tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải được trang bị kiến thức về quá trình xử lý nước thải, ứng phó những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất; kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải định kỳ.

- Biện pháp ứng phó: Khi xảy ra sự cố, cơ sở sẽ ngưng hoạt động xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Đồng thời, tiến hành sửa chữa và đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành trong thời gian sớm nhất.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở đã vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 65/XN-STNMT ngày 08/01/2019.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý ra sông Hậu nếu có sự cố bất thường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú), Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

## PHỤ LỤC 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 138/GPMT-STNMT ngày 11/4/2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Black 45<sup>H</sup>.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Black 45<sup>H</sup>.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Black 45<sup>H</sup>.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Black 45<sup>H</sup>.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Black 45<sup>H</sup>.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ bồn trộn Đạm – Gold 45<sup>G</sup>.

##### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung như sau:

- Nguồn số 01: X= 1171322; Y= 552073.
- Nguồn số 02: X= 1171328; Y= 552069.
- Nguồn số 03: X= 1171333; Y= 552067.
- Nguồn số 04: X= 1171338; Y= 552063.
- Nguồn số 05: X= 1171344; Y= 552060.
- Nguồn số 06: X= 1171350; Y= 552056.

(Theo Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104° 45', múi chiều 3°)

**3. Yêu cầu:** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:

- Các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào cơ sở được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và vận chuyển đúng tải trọng quy định.

- Phương tiện ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi, không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

Đối với tiếng ồn, độ rung của các máy móc, thiết bị:

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý;

- Cố định chân đế móng và sử dụng đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị để giảm thiểu độ rung;

- Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình lao động và giảm thiểu tiếng ồn phát sinh;

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết; kiểm tra độ mài mòn chi tiết và bảo dưỡng máy móc định kỳ, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn sử dụng;

- Trang bị đồ, thiết bị bảo hộ lao động thích hợp cho công nhân làm việc trực tiếp tại từng công đoạn sản xuất của cơ sở;

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

### PHỤ LỤC 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 138/GPMT-STNMT ngày 11/4/2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải dính hóa chất, phân bón	18 01 01	2.888
2	Giẻ lau, găng tay, khẩu trang	18 02 01	99
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	437
4	Nhớt thải	17 02 03	32
5	Than hoạt tính thải	02 11 02	38
6	Vật thể mài	07 03 10	5
7	Que hàn	07 04 01	2
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
9	Hộp mực in thải	08 02 04	20
10	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	3.666
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>7.192</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa thải không dính hóa chất, không dính phân bón	18 01 06	7.032
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	25
3	Sắt vụn	18 01 08	59
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>7.116</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 500 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa:*

- Bố trí 10 thùng nhựa loại 60 lít có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Bể chứa bùn thải của hệ thống xử lý nước thải: 02 bể. Trong đó, 01 bể bằng thép có thể tích 1,92 m<sup>3</sup> và 01 bể bằng bê tông cốt thép có thể tích 1,95 m<sup>3</sup>.

### *2.1.2. Kho lưu chứa:*

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 11m<sup>2</sup>, nằm gần kho phế liệu và đáp ứng các yêu cầu theo quy định; có bố trí hố thu gom chất thải lỏng tràn đổ bên trong với kích thước DxRxH= 0,3m x 2,5m x 0,5m.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa:*

Bố trí 01 pallet bằng gỗ có kích thước 1,5m x 1,5m để chứa giấy và 02 thùng nhựa loại 120 lít để chứa sắt vụn tại khu vực sản xuất.

### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Bố trí 01 kho chứa có diện tích 12m<sup>2</sup>, nằm gần kho chất thải nguy hại.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa:*

Trang bị 04 thùng chứa rác có nắp đậy loại 120 lít đặt xung quanh đường nội bộ của nhà xưởng.

#### *2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:*

Cuối ngày có công nhân vệ sinh của nhà xưởng thu gom, sau đó tập trung phía trước cổng của cơ sở để xe thu gom rác của đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày theo quy định.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Có trách nhiệm trang bị các phương tiện, thiết bị thu gom, lưu chứa, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố tràn dầu, sạt lở và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

## **PHỤ LỤC 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số:138/GPMT-STNMT ngày 11/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):**

Cơ sở đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất, công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án Xưởng gia công và đóng gói phân Urê được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 64/QĐ-STNMT ngày 24/02/2016, điều chỉnh tại Quyết định số 1310/QĐ-STNMT ngày 28/11/2018 và được kiểm tra, cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 65/XN-STNMT ngày 08/01/2019. Dự án không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

Đối với bên thủy nội địa của cơ sở theo Quyết định số 346/QĐ-SGTVT ngày 10/5/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang về việc công bố lại hoạt động bên thủy nội địa với quy mô diện tích vùng nước của bến là 2.160 m<sup>2</sup> (chiều dài 54m, chiều rộng 40m) không thuộc phạm vi của Giấy phép môi trường này. Chủ cơ sở cam kết tự chịu trách nhiệm, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, bên thủy nội địa và các quy định khác có liên quan; thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông, sạt lở, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong toàn bộ quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại khu vực nhà xưởng. Trong đó, phải tổ chức vận hành 02 thiết bị quạt hút có công suất 2HP kết hợp lớp đệm than hoạt tính (khối lượng 19,2 kg, định kỳ thay lớp than hoạt tính 6 tháng/lần) để giảm thiểu mùi hôi đặc trưng của phân urê trong nhà xưởng sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố môi trường, sự cố hóa chất, sự cố tràn dầu...và các sự cố khác theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải (nếu có) hoặc báo cáo đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.